

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ - ST
Ngày 03 tháng 5 năm 2019
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Chinh
2. Ông Tạ Văn Đức.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Duẩn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên toà:
Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2018/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXX - ST ngày 15 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Tô Trọng B, sinh năm 1983 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn B2, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn B2, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi ở hiện nay: Tổ 3, khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (chị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2018, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Tô Trọng B trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Thu H ngày 05 tháng 9 năm 2004. Có được tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Sau ngày cưới vợ chồng đưa nhau đi làm ăn tại thị trấn L, huyện BL, tỉnh Long An. Đến năm 2010 vợ chồng đưa nhau về quê làm ăn tại thôn B2,

xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2013 do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn chị H không muốn làm ruộng nên đã bỏ anh B đi từ tháng 02/2013. Sau khi chị H bỏ nhà đi, anh B đã đi tìm nhiều nơi nhưng không thấy, anh đã về quê chị H ở xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An tìm nhiều lần nhưng cũng không có tin tức gì. Từ khi chị H bỏ đi chị không có liên hệ gì với anh B và con cũng như gia đình chị ở tỉnh Nghệ An.

Ngày 27/7/2015 anh B đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc tuyên bố chị Nguyễn Thị Thu H mất tích. Tại quyết định số: 02/2016/QĐ-GQVDS ngày 16 tháng 8 năm 2016, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã tuyên bố chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981 mất tích. Kể từ ngày Tòa án tuyên bố chị H mất tích anh B cũng không thấy chị H trở về. Quá trình giải quyết vụ án anh B xin ly hôn chị H, bố chị H là ông Nguyễn Văn A cung cấp địa chỉ của chị H. Sau khi Tòa án ủy thác thu thập chứng cứ anh B được biết chị H hiện nay đang làm công nhân tại miền Nam nên đã đề nghị Tòa án hủy bỏ quyết định tuyên bố chị H mất tích. Đến nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Tô Trọng Q, sinh ngày 02/02/2004, hiện nay đang ở cùng anh B. Ly hôn anh B xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức lao động: Anh B không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt: Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai chị H trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như anh B trình bày là đúng. Do gia đình nhà chồng đối xử không tốt nên chị bỏ nhà đi và không liên lạc gì với anh B. Chị có biết anh B đề nghị Tòa án tuyên bố chị mất tích là do bố chị kể lại. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh B xin ly hôn chị nhất trí và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết việc ly hôn, chị đề nghị được vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Tô Trọng Q, sinh ngày 02/02/2004, hiện nay đang ở cùng anh B. Ly hôn chị H nhất trí để anh B tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức lao động: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật. Anh B thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B và đề nghị giao cho anh B tiếp tục nuôi con chung của vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Tô Trọng B khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H, hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng của chị H tại thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị H đã bị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tuyên bố mất tích tại quyết định số 02/2016/QĐ-GQVDS ngày 16/8/2016. Quá trình giải quyết vụ án xác định chị H còn sống và có địa chỉ, anh B đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc hủy bỏ quyết định tuyên bố chị H mất tích. Tại quyết định số 01/2019/QĐ- GQVDS ngày 20/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc đã hủy bỏ quyết định số: 02/2016/QĐ-GQVDS ngày 16/8/2016 về việc tuyên bố chị Nguyễn Thị Thu H mất tích. Chị Nguyễn Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết việc ly hôn. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An, là hôn nhân hợp pháp, tiến bộ.

Về tình cảm: Sau kết hôn anh B, chị H có thời gian chung sống hòa thuận hạnh phúc gần 10 năm. Đến năm 2013 chị H tự ý bỏ đi không nói gì cho anh B biết, anh B đã đi tìm nhiều nơi và về quê chị H ở tỉnh Nghệ An tìm nhưng không thấy và đã đề nghị Tòa án tuyên bố chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981 mất tích. Năm 2018 anh B đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án xác định chị Nguyễn Thị Thu H còn sống và đang làm ăn sinh sống tại tỉnh Đồng Nai, anh B đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc hủy bỏ quyết định tuyên bố chị H mất tích. Tại quyết định số 01/2019/QĐ- GQVDS ngày 20/3/2019 Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc đã hủy bỏ quyết định số: 02/2016/QĐ-GQVDS ngày 16/8/2016 về việc tuyên bố chị Nguyễn Thị Thu H mất tích. Đến nay vợ chồng đã hơn 06 năm không chung sống cùng nhau, cả anh

B và chị H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều nhất trí ly hôn, vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B.

Về con chung: Xét sự thỏa thuận của anh B, chị H thỏa thuận để anh B tiếp tục nuôi con chung là cháu Tô Trọng Q, sinh ngày 02/02/2004, anh B không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị H bỏ đi đã lâu, anh B một mình nuôi con từ năm 2013 đến nay, việc học tập ăn ở của cháu vẫn bình thường nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị H để anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Anh B không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức lao động: Anh B, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Tô Trọng B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho anh Tô Trọng B được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.
2. Về con chung: Giao cho anh Tô Trọng B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tô Trọng Q, sinh ngày 02/02/2004 cho đến khi thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức lao động: Anh B, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Anh Tô Trọng B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0000393 ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh B đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án anh B có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh